

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Trần Văn L, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn P, TT V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lương Thị L, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn P, TT V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Lương Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 29/11/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Nay vợ chồng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 08/8/2007, Trần Quỳnh A, sinh ngày 11/10/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 22/12/2018. Sau khi ly hôn, anh L và chị L thỏa thuận bên anh L sẽ nuôi cháu Trần Lan A và Trần Quỳnh A, chị L sẽ nuôi cháu Trần Anh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Anh Trần Văn L và chị Lương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Trần Văn L và chị Lương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn L và chị Lương Thị L thỏa thuận, anh L là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Lương Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 08/8/2007, Trần Quỳnh A, sinh ngày 11/10/2014 và Trần Anh T, sinh ngày 22/12/2018. Sau khi ly hôn, anh L sẽ nuôi cháu Trần Lan A và Trần Quỳnh A, chị L sẽ nuôi cháu Trần Anh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh L, chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0002856 ngày 21/8/2020. Anh Trần Văn L đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc